

Ứng dụng trò chơi vận động trong hỗ trợ giảng dạy kỹ thuật hai bước ném rổ cho sinh viên trường ngoại ngữ trường Đại học Thái Nguyên

ThS. Vi Kiều Trinh; ThS. Đỗ Thái Phong

TÓM TẮT:

Trong quá trình học tập nội dung giáo dục thể chất (GDTC), sinh viên (SV) Trường Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên rất yêu thích môn bóng rổ (BR), tuy nhiên do phương pháp giảng dạy chưa phong phú, do đó làm giảm hứng thú của người học, ảnh hưởng tới chất lượng học tập. Quá trình nghiên cứu trang bị kiến thức về trò chơi BR và ứng dụng các trò chơi BR vào hỗ trợ giảng dạy kỹ thuật hai bước ném rổ cho SV Trường Ngoại ngữ đã góp phần nâng cao mức độ hiểu biết về trò chơi BR và hứng thú của SV đối với môn học BR, qua đó giúp SV Trường Ngoại ngữ nâng cao chất lượng học tập môn BR.

Từ khóa: Ứng dụng, trò chơi vận động trong BR, giảng dạy kỹ thuật Trường Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên.

ABSTRACT:

In the process of learning the content of general education, students of the Foreign Language Department of Thai Nguyen University love basketball, but the teaching method is not rich, thus reducing the interest of learners, affecting the quality of basketball. amount of learning. The research process of equipping knowledge of Basketball games and applying Basketball games to supplementing two step basketball technique instruction for students of Foreign Languages Thai Nguyen University has contributed to improving the level of understanding about Basketball games and students' interest in Basketball, thereby helping students of the Foreign Language Department improve their learning quality in Basketball.

Keywords: Application, movement game in Basketball, teaching engineering, Foreign Languages, Thai Nguyen University

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Qua đánh giá thực trạng cho thấy SV yêu thích môn học BR và giờ học BR, tuy nhiên do phương pháp giảng dạy hiện nay chưa phong phú nên chưa tạo được hứng thú cho người học. Trong khi đó, việc ứng dụng các trò chơi BR vào trong giờ học thực hành còn hạn chế và chưa thể hiện được rõ mục đích và tác dụng của chúng trong hỗ trợ hoàn thiện kỹ thuật BR, mới chỉ dừng lại ở mục đích vui chơi giải trí và các trò chơi chỉ được bố trí vào giai đoạn đầu của tiến trình giảng dạy. Vì vậy xây dựng các trò chơi vận động (TCVĐ) phù hợp, sắp xếp hợp lý vào các giai đoạn cụ thể của quá trình giảng dạy môn BR, thống nhất về phương pháp và cách thức ứng dụng, nhằm hỗ trợ hoàn thiện kỹ thuật động tác cho SV Trường Ngoại ngữ là rất cần thiết.

Quá trình nghiên cứu, đề tài sử dụng các phương pháp như: phân tích, tổng hợp tài liệu; phỏng vấn; quan sát sư phạm; thực nghiệm sư phạm và toán học thống kê.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Lựa chọn TCVĐ hỗ trợ trong giảng dạy kỹ thuật hai bước ném rổ cho SV Trường Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên

Đề tài đã căn cứ vào điều kiện cụ thể của đối tượng và tình hình thực tế của Trường Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên. Bên cạnh đó, thông qua tham khảo các tài liệu chuyên môn như: Lý luận và phương pháp GDTC; giáo trình BR;.... Đề tài đã tổng hợp được một số trò chơi có nội dung nhằm nâng cao kỹ thuật hai bước ném rổ cho SV Trường Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên, để tiến hành phỏng vấn tham khảo ý kiến đánh giá của 15 giảng viên, nhà chuyên môn trong và ngoài nhà trường về mức độ quan trọng đối với các trò chơi. Số trò chơi được chúng tôi sử dụng phỏng vấn gồm 24 trò chơi chia ở 3 nhóm bài tập với 03 mức đánh giá: Rất cần thiết: Cần thiết: Không cần thiết.

Đề tài sẽ lựa chọn những trò chơi có ý kiến đánh giá ở mức rất cần thiết và cần thiết đạt từ 80% trở lên. Còn thấp dưới mức 80% đề tài loại không sử dụng. Kết quả được trình bày tại bảng 1

Qua bảng 1 cho thấy. Trong 24 TCVD nhằm nâng cao kỹ thuật hai bước ném rổ cho SV Trường Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên mà đề tài lựa chọn để tiến hành phỏng vấn, có 11 trò chơi mang số thứ tự là 3, 4, 5, 9, 10, 11, 13, 15, 16, 17, 18, là những trò chơi có số người lựa chọn từ cần thiết đến rất cần thiết đạt từ 80% đến 100%.

2.2. Ứng dụng các TCVD trong Bóng rổ đã lựa chọn vào hỗ trợ giảng dạy kỹ thuật hai bước ném rổ cho SV Trường Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên

2.2.1. Ứng dụng nhằm nâng cao mức độ hiểu biết về TCVD trong BR và hứng thú của SV Trường Ngoại ngữ đối với giờ học môn BR.

Thực trạng mức độ hiểu biết về TCVD trong BR và hứng thú của SV Trường Ngoại ngữ đối với giờ học môn BR trước thực nghiệm.

Để đánh giá được thực trạng mức độ hứng thú của

SV Trường Ngoại ngữ đối với môn học BR cũng như những phương pháp giảng dạy đang được sử dụng hiện nay, đề tài đã tiến hành phỏng vấn 95 SV Trường Ngoại ngữ khóa K41 (đối tượng thực nghiệm - TN). Kết quả phỏng vấn trình bày ở bảng 2 và bảng 3.

Từ kết quả thu được ở bảng 2 và bảng 3 có thể kết luận: Trước khi bước vào quá trình TN, mặc dù SV rất yêu thích môn BR, tuy nhiên mức độ hứng thú của SV đối với giờ học BR còn thấp, SV chưa nắm được các kiến thức về TCVD trong BR.

2.2.2. Ứng dụng các TCVD trong BR đã lựa chọn nhằm nâng cao hiệu quả học tập kỹ thuật hai bước ném rổ cho SV Trường Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên.

2.2.2.1. Tổ chức thực nghiệm

Đề tài tiến hành tổ chức TN sư phạm trên đối tượng SV Trường Ngoại ngữ K41. Tham gia TN gồm 40 nữ SV, được chia ngẫu nhiên thành 2 nhóm TN và đối

Bảng 1. TCVD trong BR ứng dụng hỗ trợ trong giảng dạy kỹ thuật hai bước ném rổ cho SV Trường Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên

TT	Tên trò chơi	Kỹ thuật được hỗ trợ						
			Rất cần thiết		Cần thiết		Không cần thiết	
			m _i	%	m _i	m _i	%	m _i
I	Nhóm trò chơi hỗ trợ kỹ thuật di chuyển							
	1. Chạy tiếp sức tổng hợp	- Các kỹ thuật di chuyển trượt - Kỹ thuật chạy biến hướng - KT chạy nghiêng	4	26.6	3	20.0	8	53.3
	2. Cướp vị trí		3	20.0	5	33.3	7	46.6
	3. Chạy luân cộc		10	66.6	4	26.6	1	6.6
	4. Chạy biến hướng		13	86.6	2	13.3	0	0.0
	5. Di chuyển trượt ngang		15	100	0	0.0	0	0.0
	6. Di chuyển tiến lùi		5	33.3	4	26.6	6	40.0
II	Nhóm trò chơi hỗ trợ kỹ thuật chuyển bắt bóng							
2	7. Dẫn chuyển bóng tiếp sức	- KT chuyển bóng 2 tay trước ngực - KT chuyển bóng 1 tay trên vai - Kỹ thuật chuyển bóng 1 tay bên mình - KT chuyển bóng kín	3	20.0	3	20.0	9	60.0
	8. Chuyển bóng truy đuổi		3	20.0	5	33.3	7	46.6
	9. Ba người di chuyển chuyển bóng đan chéo ném rổ		14	93.3	1	6.6	0	0.0
	10. Chuyển bóng ma 1 chạm		15	100	0	0.0	0	0.0
	11. Chuyển dài chạy nhanh		13	86.6	2	13.3	0	0.0
	12. Di chuyển chuyển bóng theo hình ngôi sao		4	26.6	3	20.0	8	53.3
III	Nhóm trò chơi hỗ trợ các kỹ thuật ném rổ							
3	13. Ném phạt theo nhóm	- KT tại chỗ ném rổ 1 tay trên cao	12	80.0	1	6.6	2	13.3
	14. Đốt bóng lên rổ tiếp sức		4	26.6	3	20.0	8	53.3
	15. Di chuyển nhận bóng hai bước ném rổ	- KT tại chỗ ném rổ 2 tay trên đầu	15	100	0	0.0	0	0.0
	16. Hai người di chuyển chuyển bóng ném rổ		14	93.3	1	6.6	0	0.0
	17. Dẫn bóng luân cộc hình số 8 ném rổ 5 lần	- KT hai bước ném rổ 1 tay dưới thấp	13	86.6	0	0.0	2	13.3
	18. Dẫn bóng quay 360 ⁰ đổi tay ném rổ		12	80.0	0	0.0	3	20
	19. Dẫn bóng quay 360 ⁰ không đổi tay ném rổ	- KT dẫn bóng 2 bước ném rổ 1 tay trên cao, móc xuôi, móc ngược	5	33.3	2	13.3	8	53.3
	20. Di chuyển truyền bắt bóng hình ngôi sao lên rổ		3	20.0	5	33.3	7	46.6
	21. Dẫn bóng tốc độ tiếp sức	- KT cầm bóng qua người bước thuận, bước chéo	4	26.6	3	20.0	8	53.3
	22. Dẫn bóng đột phá tiếp sức		6	40.0	1	6.6	8	53.3
	23. Cướp bóng dưới rổ tấn công		2	13.3	2	13.3	11	73.3
	24. Tại chỗ cầm bóng đột phá lên rổ		3	20.0	3	20.0	9	60.0

chứng (ĐC), mỗi nhóm 20 người.

Đề tài sử dụng phương pháp kiểm tra sự phạm dưới dạng các bài test nhằm đánh giá hiệu quả thực hiện kỹ thuật của SV Trường Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên. Đề tài sử dụng các test chuyên môn trong BR như sau:

- Tại chỗ ném rổ 1 tay trên cao 15 quả (số lần vào rổ - SLVR)
- Hai bước ném rổ 1 tay trên cao 15 quả (SLVR)
- Hai người di chuyển chuyển bóng ném rổ 10 quả (SLVR)
- Dẫn Bóng luân cộc hình số 8 ném rổ 05 lần (s)

2.2.2.2. Kết quả thực nghiệm

Để đảm bảo đánh giá chính xác hiệu quả quá trình TN, trước khi tiến hành TN, đề tài tổ chức kiểm tra đánh giá và so sánh kỹ thuật và hiệu quả thực hiện các kỹ thuật của hai nhóm thông qua các nội dung kiểm tra kỹ thuật mà Bộ môn Cơ bản vẫn đang sử dụng gồm 04 test chuyên môn nêu trên. Kết quả được trình bày ở bảng 4 và bảng 5.

Kết quả so sánh ở bảng 4 về điểm kỹ thuật và kết

quả so sánh ở bảng 5 về hiệu quả thực hiện kỹ thuật cho thấy, khả năng và hiệu quả thực hiện kỹ thuật của 2 nhóm TN và ĐC ở thời điểm trước TN là tương đương nhau.

Trên cơ sở đó, đề tài đã tiến hành TN sự phạm. Theo đó, cả 2 nhóm TN và ĐC đều tập luyện theo tiến trình chung mà nhà trường đã phê duyệt, tuy nhiên trong các giáo án học tập kỹ thuật, nhóm TN tập luyện theo giáo án và phương pháp do đề tài xây dựng. Kết quả quá trình TN, đề tài tổ chức kiểm tra và so sánh kết quả của 2 nhóm. Kết quả được trình bày ở bảng 6 và 7.

Kết quả thu được ở bảng 6 cho thấy, trong tất cả các nội dung kiểm tra, tỷ lệ số người đạt điểm kỹ thuật A của nhóm TN nhiều hơn nhóm ĐC và sự khác biệt có ý nghĩa ở ngưỡng xác suất P 0.05; Kết quả thu được ở bảng 7 cho thấy, hiệu quả thực hiện các kỹ thuật ở các nội dung kiểm tra của nhóm TN cao hơn so với nhóm ĐC, sự khác biệt có ý nghĩa ở ngưỡng xác suất P0.05. Như vậy, có thể thấy rằng, sau quá trình TN giai đoạn 2, điểm phân loại kỹ thuật và hiệu quả thực hiện các kỹ thuật của nhóm TN tốt hơn hẳn nhóm ĐC, sự khác biệt đảm bảo độ tin cậy ở ngưỡng xác suất P0.05. Điều đó đã

Bảng 2. Kết quả phỏng vấn về mức độ hứng thú của SV K41 Trường Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên đối với giờ học môn BR trước TN (n = 95)

TT	Nội dung câu hỏi	Kết quả %					
		A		B		C	
		%	SL	%	SL	%	SL
1	Mức độ yêu thích với môn học BR (A: Rất thích; B: Bình thường; C: Không thích)	95.7	91	4.21	4	0	0
2	Mức độ tập trung trong giờ học BR (A: Rất tập trung; B: Bình thường; C: Không tập trung)	53.6	51	46.31	44	0	0
3	Mức độ tích cực trong giờ học BR (A: Rất tích cực; B: Bình thường; C: Không tích cực)	52.6	50	47.3	45	0	0
4	Mức độ nắm bắt nội dung trong giờ BR (A: rất tốt; B: Bình thường; C: Rất kém)	30.52	29	61.05	58	8.42	8
5	Mức độ yêu thích đối với PP giảng dạy môn BR hiện nay (A: Rất thích; B: Bình thường; C: Không thích)	20.00	19	46.31	44	33.68	32
6	Đánh giá về giờ học môn BR (A: Không đơn điệu; B: Đơn điệu; C: Không để ý)	23.15	22	47.36	45	29.47	28
7	Thời gian tham gia tập luyện ngoài giờ (A: Rất nhiều; B: Bình thường; Rất ít; C: không tập)	18.9	18	53.68	51	27.36	26

Bảng 3. Kết quả phỏng vấn về mức độ hiểu biết về TCVD trong BR của SV K41 Trường Ngoại ngữ Đại học Thái Nguyên trước TN (n = 95)

TT	Nội dung câu hỏi	Kết quả %					
		A		B		C	
		%	SL	%	SL	%	SL
1	Mức độ nắm vững kiến thức về trò chơi BR (A: Rất vững; B: Bình thường; C: Không biết)	15.78	15	20.00	19	64.21	61
2	Đánh giá tác dụng hỗ trợ hoàn thiện kỹ thuật động tác của trò chơi BR (A: Rất nhiều; B: Bình thường; C: Rất ít)	64.21	61	23.15	22	12.63	12
3	Mức độ hiểu biết về các nhóm trò chơi hỗ trợ giảng dạy kỹ thuật (A.Đúng; B.Chưa đủ)	23.15	22	76.84	73		
4	Hiểu biết về phương pháp ứng dụng TCVD trong BR trong giảng dạy (A: Biết; B: Không biết)	34.73	33	65.26	62		
5	Hiểu biết về những điều cần chú ý khi ứng dụng TCVD trong BR trong giảng dạy (A. Đúng đủ; B.Chưa đầy đủ)	35.78	34	64.21	61		

Bảng 4. So sánh kết quả phân loại kỹ thuật của 2 nhóm TN và ĐC trước TN giai đoạn 2 (n = 40)

TT	Nhóm	Tại chỗ ném rổ 1 tay trên cao			Hai bước ném rổ 1 tay trên cao			Hai người di chuyển chuyên bóng ném rổ		
		Loại kỹ thuật			Loại kỹ thuật			Loại kỹ thuật		
		A	B	C	A	B	C	A	B	C
1	Nhóm TN	4	14	2	2	8	10	0	12	8
		20%	70%	10%	10%	40%	50%	0%	60%	40%
2	Nhóm ĐC	6	12	2	0	12	8	0	10	10
		30%	60%	10%	0%	60%	40%	0%	50%	50%
	t	1.33	0.65	0	3.71	1.62	0.87	0	0.75	0.87

Bảng 5. So sánh kết quả kiểm tra hiệu quả thực hiện kỹ thuật của 2 nhóm TN và ĐC trước TN giai đoạn 2 (n = 40)

TT	Nội dung kiểm tra	Nhóm TN ($\bar{x} \pm \delta$)	Nhóm ĐC ($\bar{x} \pm \delta$)	t	p
1	Tại chỗ ném rổ 1 tay trên cao 15 quả (SLVR)	7.3±1.06	6.9±0.88	0.92	0.05
2	Hai bước ném rổ 1 tay trên cao 15 quả (SLVR)	8.6±1.26	8.7±1.06	0.192	
3	Hai người di chuyển chuyên bóng ném rổ 10 quả (SLVR)	5.7±1.16	5.5±0.85	0.44	
4	Dẫn bóng luân cộc hình số 8 ném rổ 5 lần (s)	33.68±0.87	33.95±0.98	0.649	

Bảng 6. So sánh kết quả phân loại kỹ thuật của 2 nhóm TN và ĐC sau TN giai đoạn 2 (n = 40)

TT	Nhóm	Tại chỗ ném rổ 1 tay trên cao			Hai bước ném rổ 1 tay trên cao			Hai người di chuyển chuyên bóng ném rổ		
		Loại kỹ thuật			Loại kỹ thuật			Loại kỹ thuật		
		A	B	C	A	B	C	A	B	C
1	Nhóm TN	14	6	0	12	4	4	6	12	2
		70%	30%	0%	60%	20%	20	30%	60%	10%
2	Nhóm ĐC	8	12	0	4	12	4	2	8	10
		40%	60%	0%	20%	60%	20%	10%	40%	50%
	t	2.29			4.08			3.21		

Bảng 7. So sánh hiệu quả thực hiện kỹ thuật của 2 nhóm TN và ĐC sau TN giai đoạn 2 (n = 40)

TT	Nội dung kiểm tra	Nhóm TN ($\bar{x} \pm \delta$)	Nhóm ĐC ($\bar{x} \pm \delta$)	t	p
1	Tại chỗ ném rổ 1 tay trên cao 15 quả (SLVR)	9.5±1.35	8.5±1.06	3.886	0.05
2	Hai bước ném rổ 1 tay trên cao 15 quả (SLVR)	11.8±1.69	9.9±1.52	2.643	
3	Hai người di chuyển chuyên bóng ném rổ 10 quả (SLVR)	8.5±1.10	6.7±1.16	2.769	
4	Dẫn bóng số 8 ném rổ 5 lần (s)	31.55±1.39	32.72±0.80	2.304	

chứng tỏ tác dụng tích cực của các TCVĐ trong BR mà đề tài đã lựa chọn ứng dụng đã có tác dụng tích cực tới đối tượng nghiên cứu.

3. KẾT LUẬN

Trên cơ sở lý luận và thực tiễn đề tài đã xây dựng được 16 TCVĐ hỗ trợ giảng dạy kỹ thuật hai bước ném rổ BR và được phân thành 3 nhóm: Nhóm trò chơi hỗ trợ kỹ thuật di chuyển, Nhóm trò chơi hỗ trợ kỹ thuật chuyên bắt bóng; Nhóm trò chơi hỗ trợ kỹ thuật ném rổ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đinh Quang Ngọc (2013), *BR trong trường phổ thông*, Nxb TĐTT, Hà Nội.
- PGS. Nguyễn Toán, TS. Phạm Danh Tồn (2006), *Lý luận và phương pháp TĐTT*, Nxb TĐTT, Hà Nội.
- CN. Nguyễn Văn Trung, ThS. Phạm Văn Thảo (2003), *Giáo trình BR*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

Nguồn bài báo: Bài báo được trích từ đề tài “Lựa chọn và ứng dụng trò chơi vận động trong giảng dạy BR nhằm nâng cao kỹ thuật hai bước ném rổ cho SV Trường Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên”. Nhiệm vụ khoa học cơ sở, 2020. Chủ nhiệm đề tài: ThS. Vi Kiều Trinh

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 8/5/2020; ngày phản biện đánh giá: 11/7/2020; ngày chấp nhận đăng: 14/8/2020)